

Số: 190/KH-UBND

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 02 năm 2026

## KẾ HOẠCH

### **Khai thác tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 4815/QĐ-BNNMT ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Cửu Long mùa cạn năm 2025-2026.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch khai thác tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI KẾ HOẠCH**

### **1. Mục đích**

- Xác định các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện bảo đảm việc quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước theo hướng toàn diện và hiệu quả cao; đáp ứng nhu cầu nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh vào mùa cạn năm 2025-2026 và lâu dài, góp phần bảo vệ môi trường, phát triển bền vững; bảo đảm cho an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh trước diễn biến của biến đổi khí hậu, sự suy giảm, cạn kiệt nguồn nước.

- Nâng cao nhận thức, vai trò của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong quản lý, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước.

### **2. Yêu cầu**

- Phù hợp với trạng thái nguồn nước được công bố trong kịch bản nguồn nước và các nguyên tắc điều hòa, phân phối tài nguyên nước.

- Quy định cụ thể trách nhiệm quản lý của các ngành, địa phương đơn vị có liên quan đến việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

### 3. Phạm vi

Trạng thái nguồn nước theo Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Cửu Long mùa cạn năm 2025–2026 đã được công bố ở Trạng thái bình thường; xâm nhập mặn tại các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long dự báo xấp xỉ TBNN và thấp hơn mùa cạn năm 2024–2025; trong đó nhận định đối với tỉnh Đồng Tháp: “Hệ thống các công trình kiểm soát mặn cơ bản đảm bảo, xâm nhập mặn theo hướng sông Tiền trong thời kỳ cao điểm, có thể lên đến phường Mỹ Phong theo nhánh sông Cửu Tiểu và phường Mỹ Tho trên nhánh sông Cửa Đại.”. Nguy cơ thiếu nước cục bộ vẫn có thể xảy ra tại một số xã cuối nguồn tỉnh Đồng Tháp gồm các xã: Gia Thuận, Gò Công Đông, Tân Phú Đông, Tân Thới, Tân Đông, Tân Điền), với nguyên nhân chủ yếu do xâm nhập mặn và hệ thống các công trình thủy lợi, hệ thống các công trình cấp nước tập trung chưa được hoàn thiện đồng bộ. Ngoài ra, còn có khu vực đặc thù tại các xã đầu nguồn chịu ảnh hưởng hạn hán, nắng nóng gồm: xã Tân Hồng, Tân Thành, Tân Hộ Cơ.

Do đó, phạm vi kế hoạch gồm có 04 vùng: Vùng dự án ngọt hóa Gò Công, Vùng dự án Phú Thạnh - Phú Đông, Vùng dự án Bảo Định mở rộng sang kiểm soát lũ, Khu vực chịu ảnh hưởng của hạn, thiếu nước do nắng nóng kéo dài ở các xã đầu nguồn: Tân Hồng, Tân Thành, Tân Hộ Cơ.

## II. NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH

Theo Kịch bản nguồn nước mùa cạn 2025-2026, ranh mặn 4 g/l trên các cửa sông vùng đồng bằng sông Cửu Long có khả năng xâm nhập xấp xỉ trung bình nhiều năm; riêng trên sông Tiền khoảng 40 - 43 km, sông Hậu khoảng 45 - 50 km, sông Hàm Luông khoảng 55 - 60 km và sông Vàm Cỏ khoảng 90 - 95 km (tùy thời kỳ triều, dòng chảy).

Thời kỳ xâm nhập mặn mạnh thường tập trung từ tháng 01 đến tháng 02/2026 và có thể kéo dài theo diễn biến triều, gió chướng; các đơn vị cần chủ động tích trữ nước khi mặn giảm và vận hành ngăn mặn kịp thời khi mặn tăng.

### 1. Hiện trạng nguồn nước

#### a) Nguồn nước mặt

Đến nay tỉnh Đồng Tháp liên quan trực tiếp đến 03 vùng dự án nêu trên có 15 kênh lớn, chiều dài 197,93 km; 95 kênh vừa, chiều dài 945,38 km và 4.285,157 km kênh nhỏ; 1.538 cống (trong đó có 08 cống lớn, 98 cống vừa và 1.433 cống nhỏ) được phân bố ở các vùng dự án: Ngọt hóa Gò Công, Phú Thạnh - Phú Đông, Bảo Định mở rộng sang vùng kiểm soát lũ. Nguồn nước mặt của tỉnh được cung cấp chủ yếu bởi nguồn từ sông Tiền và sông Vàm Cỏ đến nội vùng thông qua hệ thống kênh. Trong đó phía Bắc là sông Vàm Cỏ với chiều dài 39 km, phía Nam là sông Tiền với chiều dài hơn 230 km. Hệ thống sông kênh, rạch ở tỉnh Đồng Tháp có hai hướng chảy chính là từ Tây sang Đông và từ Bắc xuống Nam, cụ thể như sau:

- Sông Vàm Cỏ, phạm vi ảnh hưởng một phần diện tích thuộc khu vực Đông Bắc của tỉnh Đồng Tháp. Vào mùa mưa khả năng thoát nước từ hệ thống kênh

rạch trong tỉnh ra biển Đông qua sông Vàm Cỏ; ngược lại vào mùa khô, chịu ảnh hưởng mạnh bởi thủy triều, mặn xâm nhập vào các chi lưu như: rạch Gò Công, rạch Vàm Thấp, Kênh N8, Xóm Gòng và một số kênh rạch nối thông ra.

- Sông Tiền đoạn chảy qua địa phận Đồng Tháp đổ ra biển Đông qua cửa Tiểu và cửa Đại, cùng với hệ thống kênh rạch trong địa bàn tỉnh chịu ảnh hưởng mạnh mẽ chế độ triều biển Đông và là nguồn xâm nhập mặn chính cho hệ thống kênh rạch trong mùa khô. Vào mùa mưa, nước từ sông Tiền ở phía Nam và từ Đồng Tháp Mười ở phía Bắc chảy vào mạng lưới kênh rạch và có hai hướng chảy chính là từ Tây sang Đông và từ Bắc xuống Nam.

- Sông Hậu chảy qua địa phận Đồng Tháp đổ ra biển Đông qua các cửa sông chính: cửa Trần Đề (Long Phú, Sóc Trăng), cửa Định An và kênh Quan Chánh Bó; đóng vai trò chủ đạo trong việc cung cấp nước ngọt và điều tiết dòng chảy cho các khu vực phía Tây và Nam của tỉnh.

b) Nguồn nước dưới đất: có chất lượng khá tốt ở khu vực phía Tây và một phần khu vực phía Đông, nhưng phải khai thác ở độ sâu khá lớn (200-500m). Đây là nguồn nước sạch quan trọng, cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất của người dân, đặc biệt đối với những vùng bị nhiễm mặn, phèn. Hiện nay, việc khai thác nước dưới đất chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt và một phần nhỏ phục vụ chăn nuôi, chế biến lương thực, thực phẩm, nước uống tinh khiết. Hầu hết các giếng khai thác từ tầng chứa nước Pliocen và Miocen ở độ sâu từ 200- 500 m, nhiệt độ 30°C, chất lượng đa số đạt chuẩn quy định. Tuy vậy, nước dưới đất là nguồn tài nguyên quý, số lượng có hạn; để phục vụ lâu dài và ổn định theo hướng phát triển bền vững, cần có sự quản lý tốt việc khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước dưới đất nhằm phòng, chống xâm nhập mặn, suy thoái và cạn kiệt nguồn nước, sụt, lún đất, tác động xấu đến nguồn nước và môi trường.

## **2. Nhu cầu nguồn nước trong mùa cạn năm 2025-2026 tại các khu vực bị ảnh hưởng xâm nhập mặn và kế hoạch khai thác tài nguyên nước**

### **2.1. Vùng dự án ngọt hóa Gò Công**

#### **a) Nhu cầu nguồn nước**

- Đảm bảo đủ nước sinh hoạt cho 426.101 người gồm: 183.694 người ở 05 xã (Gò Công Đông, Tân Điền, Tân Hòa, Tân Đông và Gia Thuận); 165.078 người ở 05 xã (Vĩnh Bình, Đồng Sơn, Phú Thành, Long Bình, Vĩnh Hựu); 77.329 người ở 02 xã (xã Bình Ninh, xã An Thạnh Thủy), khoảng 66.850 m<sup>3</sup>/ngày đêm (theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13606:2023 về Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế thì tiêu chuẩn cấp nước là 60 - 120 l/người - ngày đêm, lấy bình quân 100 l/người - ngày đêm).

- Đảm bảo nước tưới cho 40.846,00 ha (Lúa Đông Xuân 2025-2026 là 20.485,00 ha; hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày là 7.712,00 ha; 12.649,00 ha cây ăn trái và cây công nghiệp dài ngày) khoảng 98.799.500 m<sup>3</sup>, cụ thể:

TT	Tên sản phẩm dịch vụ công ích	Diện tích phục vụ (ha)	Lượng nước cần tưới (m <sup>3</sup> /ha)	Khối lượng nước cần sử dụng (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1	Lúa Đông Xuân	20.485	5.000	102.425.000	
2	Rau, màu, cây CNNN	7.712	2.500	19.280.000	
3	Cây ăn quả, cây CNDN	12.649	6.000	75.894.000	
<b>Tổng khối lượng nước cần sử dụng cho các vụ, mùa</b>				<b>197.599.000</b>	
<b>Khối lượng nước cần sử dụng cho 06 tháng mùa khô</b>				<b>98.799.500</b>	Từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau

- Đảm bảo nước nuôi trồng thủy sản cho 7.035,75 ha, với nhu cầu sử dụng nước trong 06 tháng mùa khô là 48.546,675 m<sup>3</sup>.

b) Kế hoạch khai thác tài nguyên nước

\* Đối với nước sinh hoạt

- Giải pháp phi công trình:

+ Tuyên truyền vận động người dân tăng cường trữ nước và sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích. Trong trường hợp mùa khô kéo dài, thông báo cho người dân biết để dự trữ nước phục vụ cho nhu cầu ăn, uống.

+ Xây dựng kế hoạch điều tiết nguồn nước từ Nhà máy nước Đồng Tâm giữa các trạm đã được đầu nối để đảm bảo việc cấp nước của các trạm.

+ Xây dựng kế hoạch bơm dẫn nước từ rạch Rằm Vé và từ các kênh rạch khác để về ao Tham Thu, các nhà máy/trạm xử lý nước để bổ cấp nước sinh hoạt cho khu vực phía Đông.

+ Quan trắc theo dõi sát độ mặn trên tuyến sông Tiên để vận hành các giếng khoan dự phòng (khi nguồn nước mặt có độ mặn > 250 mg/lít vượt quy chuẩn cho phép).

- Giải pháp công trình:

+ Thường xuyên kiểm tra độ mặn và bơm lấy nước từ sông Tiên trữ đầy vào ao chứa của Nhà máy nước Đồng Tâm. Vận hành, kiểm tra Trạm bơm Sáu Âu - Xoài Hột và các giếng khoan dự phòng để sẵn sàng phục vụ cấp nước sinh hoạt khi nguồn nước mặt trên sông Tiên bị ảnh hưởng mặn.

+ Khi độ mặn > 250 mg/lít xuất hiện đến khu vực Công viên Lạc Hồng, phường Mỹ Tho (Nhà máy nước Mỹ Tho ngưng hoạt động): mở vận hành 06 giếng khoan dự phòng trên địa bàn phường Mỹ Tho (02 giếng), phường Đạo Thạnh (03 giếng), phường Mỹ Phong (01 giếng) với tổng công suất khai thác khoảng 9.360 m<sup>3</sup>/ngày đêm để cấp nước cho khu vực của các phường nêu trên; đồng thời mở vận hành bơm 04 giếng dự phòng với tổng công suất 7.260 m<sup>3</sup>/ngày đêm ở xã Tân Thuận

Bình cấp cho xã Tân Thuận Bình và xã Chợ Gạo để tập trung điều tiết nguồn nước của Nhà máy nước Đồng Tâm về cho các xã, phường phía Đông của tỉnh (xã Bình Ninh, xã An Thạnh Thủy, xã Vĩnh Bình, xã Đồng Sơn, xã Phú Thành, xã Vĩnh Hựu, xã Long Bình, xã Gò Công Đông, xã Tân Điền, xã Tân Hòa, xã Tân Đông, xã Gia Thuận, phường Gò Công, phường Long Thuận, phường Sơn Qui, phường Bình Xuân, xã Tân Phú Đông, xã Tân Thới).

+ Khi độ mặn > 250 mg/lít xuất hiện đến khu vực xã Kim Sơn (Vàm kênh Nguyễn Tấn Thành): mở vận hành 12 giếng khoan dự phòng (06 giếng khu vực Nhà máy nước Bình Đức; 06 giếng khu vực Nhà máy nước Đồng Tâm), đồng thời bơm bổ cấp nguồn nước ngọt từ kênh Sáu Âu - Xoài Hột đảm bảo lượng nước thô để sản xuất nước sinh hoạt tại 02 Nhà máy: Nhà máy nước Đồng Tâm (công suất 85.000m<sup>3</sup>/ngày đêm), Nhà máy nước Bình Đức (công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm) đảm bảo cấp nước cho người dân.

+ Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang phối hợp Ủy ban nhân dân các xã mở các vòi nước công cộng từ các trạm cấp nước để cấp cho Nhân dân thuộc các xã vùng sâu, ngoài đê, các hộ sống phân tán chưa được sử dụng nước từ các trạm cấp nước tập trung đến lấy nước miễn phí.

+ Nạo vét các ao chứa và chủ động bơm bổ cấp nguồn nước vào các ao chứa để xử lý cung cấp nước cho Nhân dân sinh hoạt; đồng thời chủ động trữ nước tối đa trên các ao chứa phục vụ cấp nước cho người dân; trường hợp không còn nguồn nước bơm trữ vào các ao chứa thì có phương án chở nước ngọt từ phía thượng nguồn về bổ cấp vào các ao để cung cấp cho Nhân dân sinh hoạt.

\* Đối với nước sản xuất

- Giải pháp phi công trình:

+ Tuyên truyền vận động Nhân dân sử dụng tiết kiệm nước; giữ vệ sinh nguồn nước, không xả rác và nước nhiễm bẩn vào nguồn cung cấp nước, nhằm hạn chế tình trạng gây ô nhiễm nguồn nước trong mùa khô và tăng cường bơm trữ nước trên các ao, ruộng vườn và trên ruộng để nâng cao lượng nước trữ.

+ Tổ chức đo đạc, kiểm tra chặt chẽ diễn biến chất lượng nguồn nước, mực nước, mặn trên các tuyến sông và nội đồng; thường xuyên thông báo lịch vận hành công trình và diễn biến tình hình mực nước, mặn trên Bản tin phát thanh, truyền hình tỉnh hàng ngày để người dân biết chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất.

+ Ủy ban nhân dân các xã, phường trong vùng dự án tập trung giải phóng các chướng ngại vật lòng kênh, khai thông dòng chảy trên các tuyến kênh; thường xuyên tổ chức trực vớt, trực đẩy lục bình, duy trì thông thoáng lòng kênh, rạch; vận động nhân dân nạo vét kênh, ruộng, đồng thời tích cực trữ nước trên kênh, rạch, ao,... và trên ruộng.

- Giải pháp công trình:

+ Ngăn mặn triệt để, sửa chữa kịp thời các công không đảm bảo ngăn mặn, trữ ngọt. Kiểm soát chặt chẽ những khu vùng trũng để có kế hoạch tiêu úng chủ động

khi trữ nước; vận động nhân dân tôn cao bờ vùng, bờ thửa đối với những khu vực trũng thấp để hạn chế ngập úng khi công trình đầu mối vận hành lấy trữ nước.

+ Ủy ban nhân dân các xã, phường trong vùng dự án khẩn trương triển khai thi công sửa chữa các công trình cống, đập, nạo vét các tuyến kênh, rạch đã được bố trí kinh phí trong năm 2025; đồng thời chủ động bố trí nguồn ngân sách cấp xã năm 2026 được tỉnh phân bổ để phục vụ cho công tác phòng, chống hạn mặn, bảo vệ sản xuất.

+ Tổ chức vận hành lấy nước qua cống Xuân Hòa khi độ mặn ngoài sông nằm trong phạm vi cho phép để tích trữ nước tối đa trong vùng dự án.

## 2.2. Vùng dự án Phú Thạnh - Phú Đông

### a) Nhu cầu nguồn nước:

- Đảm bảo đủ nước sinh hoạt cho 55.746 người trên địa bàn 02 xã Tân Thới và Tân Phú Đông, khoảng 5.575 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Đảm bảo đủ nước tưới cho 4.499 ha (rau màu, cây sả: 1.385,00 ha, vườn cây ăn trái: 3.114,00 ha), khoảng 11.073.250 m<sup>3</sup>.

TT	Tên sản phẩm dịch vụ công ích	Diện tích phục vụ (ha)	Lượng nước cần tưới (m <sup>3</sup> /ha)	Khối lượng nước cần sử dụng (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1	Rau, màu, cây CNNN	1.385	2.500	3.462.500	
2	Cây ăn quả, cây CNDN	3.114	6.000	18.684.000	
<b>Tổng khối lượng nước cần sử dụng cho các vụ, mùa</b>				<b>22.146.500</b>	
<b>Khối lượng nước cần sử dụng cho 06 tháng mùa khô</b>				<b>11.073.250</b>	Từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau

### b) Kế hoạch khai thác tài nguyên nước

\* Đối với nước sản xuất:

- Giải pháp phi công trình:

+ Tuyên truyền vận động Nhân dân trữ nước cho sản xuất và sinh hoạt, sử dụng tiết kiệm nước; giữ vệ sinh nguồn nước, không xả rác và nước nhiễm bẩn vào nguồn cung cấp nước, nhằm hạn chế tình trạng gây ô nhiễm nguồn nước trong mùa khô.

+ Kiểm tra chặt chẽ diễn biến chất lượng nước trong nội đồng chú ý khu vực có địa hình cao và xa nguồn, khu vực vùng trũng.

- Giải pháp công trình:

+ Ngăn mặn triệt để, sửa chữa kịp thời những cống không đảm bảo ngăn mặn; kiểm tra chặt chẽ hiện trạng các công trình cống, tổ chức lấy nước cống

CC1, Rạch Gốc, Lý Hoàng, Lò Ô để bổ sung nước vào dự án Phú Thạnh - Phú Đông khi độ mặn cho phép.

+ Vận hành trạm bơm tại cống Lò Ô (sử dụng thuyền bơm) bổ cấp nước cho vùng dự án Phú Thạnh - Phú Đông khi chân triều thấp có độ mặn cho phép.

+ Khẩn trương triển khai thi công sửa chữa các công trình cống đập, nạo vét các tuyến kênh, rạch đã được bố trí kinh phí trong năm 2025; đồng thời chủ động bố trí nguồn ngân sách được phân cấp quản lý để lập hồ sơ chuẩn bị đầu tư nạo vét các tuyến kênh, rạch theo phân kỳ đầu tư năm 2026.

\* Đối với nước sinh hoạt:

Công ty TNHH MTV cấp nước Tiền Giang phối hợp Ủy ban nhân dân các xã mở các vòi nước công cộng từ các trạm cấp nước và bố trí bồn chứa nước công cộng để cho người dân sống ở vùng sâu, ngoài đê, các hộ sống phân tán chưa được sử dụng nước từ các trạm cấp nước tập trung đến lấy nước miễn phí đảm bảo cung cấp nước cho người dân.

### 2.3. Vùng dự án Bảo Định mở rộng sang vùng kiểm soát lũ

a) Nhu cầu nguồn nước:

- Đảm bảo nguồn nước ngọt cho 03 Nhà máy nước: Đồng Tâm, Bình Đức (tỉnh Đồng Tháp) và Nhà máy Nhị Thành (tỉnh Tây Ninh) để cung cấp nước sinh hoạt cho người dân.

- Đảm bảo đủ nước tưới cho khoảng 136.499 ha diện tích sản xuất nông nghiệp thuộc dự án Bảo Định mở rộng 02 tỉnh Đồng Tháp và Tây Ninh. Trong đó: diện tích cây ăn trái Đồng Tháp là 88.883 ha và Tây Ninh là 6.325 ha; diện tích lúa Đồng Tháp là 20.444 ha và Tây Ninh là 11.330 ha; diện tích màu, cây ngắn ngày Đồng Tháp là 6.970 ha, Tây Ninh là 2.547 ha.

TT	Tên sản phẩm dịch vụ công ích	Diện tích phục vụ (ha)	Lượng nước cần tưới (m <sup>3</sup> /ha)	Khối lượng nước cần sử dụng (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1	Lúa Đông Xuân	31.774	5.000	158.870.000	
2	Rau, màu, cây CNND	9.517	2.500	23.792.500	
3	Cây ăn quả, cây CNDN	95.208	6.000	571.248.000	
<b>Tổng khối lượng nước cần sử dụng cho các vụ, mùa</b>				<b>753.910.000</b>	
<b>Khối lượng nước cần sử dụng cho 06 tháng mùa khô</b>				<b>376.955.250</b>	Từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau

b) Kế hoạch khai thác tài nguyên nước:

\* Đối với sản xuất:

- Giải pháp phi công trình:

+ Kiểm tra chặt chẽ diễn biến chất lượng nguồn nước, mực nước, mặn trên sông Tiên, sông Vàm Cỏ, sông Năm Thôn và phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Vĩnh Long, Tây Ninh theo dõi diễn biến mặn từ cửa sông Hàm Luông xâm nhập qua sông Tiên, xâm nhập mặn trên tuyến sông Vàm Cỏ thông tin trên Bản tin phát thanh, truyền hình tỉnh để các địa phương chủ động ngăn mặn kịp thời.

+ Các địa phương xây dựng phương án phòng chống và ứng phó với hạn, xâm nhập mặn trong mùa khô năm 2025-2026 cụ thể, chi tiết cho từng vùng, từng khu vực đáp ứng mục tiêu bảo vệ sản xuất, dân sinh trước diễn biến hạn mặn. Đối với khu vực phía Nam Quốc lộ 1 trong phương án ứng phó phải có giải pháp bơm bổ cấp nguồn nước cho các khu vực có khả năng thiếu nước.

+ Tuyên truyền vận động Nhân dân trữ nước, sử dụng tiết kiệm nước và giữ vệ sinh nguồn nước, không xả rác và nước nhiễm bẩn vào nguồn cung cấp nước, nhằm hạn chế tình trạng gây ô nhiễm nguồn nước trong mùa khô.

+ Tập trung giải phóng các chướng ngại vật lòng kênh, khai thông dòng chảy trên các tuyến kênh; thường xuyên tổ chức trực vớt, trực đẩy lục bình, dọn dẹp cỏ dại, chướng ngại vật lòng kênh đảm bảo luôn được thông thoáng phục vụ sản xuất; đồng thời bơm tích cực trữ nước trên ruộng vườn, ao, líp,... thực hiện các mô hình tích trữ nước đã áp dụng trong thời gian qua.

- Giải pháp công trình:

+ Kiểm tra, xử lý kịp thời các công trình ngăn mặn theo phân cấp quản lý; củng cố hệ thống đê bao ngăn lũ, ngăn triều cường có sẵn; tổ chức đắp đập nhằm ngăn mặn, trữ ngọt.

+ Phối hợp Trung tâm Thủy lợi và Nước sạch tỉnh Tây Ninh tổ chức vận hành công trình hợp lý; kiểm soát ngăn mặn triệt để từ hướng sông Vàm Cỏ Tây và đóng ngăn mặn các cống trên Quốc lộ 62 khi độ mặn tại cống xấp xỉ 1,0 g/l.

+ Đóng ngăn mặn các cống: Nguyễn Tấn Thành, 06 cống (Rạch Gầm, Phú Phong, Mù U, Cây Còng, Hai Tân, Cái Sơn) và các cống qua lộ do địa phương quản lý khi độ mặn trên sông Tiên tại Vàm kênh Nguyễn Tấn Thành vượt ngưỡng 0,5g/l và có xu thế tiếp tục tăng, xâm nhập sâu vào nội đồng. Đảm bảo độ mặn phía sau các cống <0,3 g/l.

+ Tổ chức các điểm bơm chuyên để bổ cấp nguồn nước cho các khu vực bên trong của các xã: Vĩnh Kim, Long Tiên, phường Nhị Quý khi các cống, đập trên ĐT.864 đóng ngăn mặn từ phía sông Tiên.

+ Trong trường hợp khi độ mặn trên sông Hàm Luông tại Vàm Môn, tỉnh Vĩnh Long, cách sông Tiên 9km từ 1,5 - 2,0 g/l và có xu thế tiếp tục tăng sẽ kết hợp đắp đập thép ngăn mặn tại vị trí 02 bên khung vây cống Trà Tân.

\* Đối với nước sinh hoạt:

- Trong trường hợp công âu Nguyễn Tấn Thành và các cống trên ĐT.864 đóng ngăn mặn, nguồn nước mặt trên kênh Nguyễn Tấn Thành, sông Ba Rài bị ô nhiễm, các Nhà máy nước mặt Vĩnh Kim, Nhà máy nước Cai Lậy không thể lấy nước để sản xuất:

+ Mở vận hành 01 giếng tại trạm Vĩnh Kim với công suất 60 m<sup>3</sup>/giờ thay thế trạm xử lý nước mặt đảm bảo công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm (Nhà máy nước mặt Vĩnh Kim ngưng hoạt động).

+ Mở vận hành 01 giếng khoan dự phòng tại Nhà máy nước Cai Lậy, phường Mỹ Phước Tây với công suất 80 m<sup>3</sup>/giờ thay thế trạm xử lý nước mặt, đảm bảo duy trì hoạt động cấp nước của Nhà máy nước thị xã Cai Lậy.

- Trường hợp mặn xâm nhập từ phía sông Hàm Luông ảnh hưởng đến nguồn nước mặt cấp cho sinh hoạt tại Nhà máy nước mặt Cái Bè (khi nguồn nước mặt có độ mặn > 250 mg/lít vượt quy chuẩn cho phép) mở vận hành 01 giếng khoan dự phòng với công suất 60 m<sup>3</sup>/giờ kết hợp vận hành 01 giếng khoan đã có tại Nhà máy nước mặt Cái Bè để cấp cho người dân.

2.4. Khu vực chịu ảnh hưởng của hạn, thiếu nước do nắng nóng kéo dài ở các xã đầu nguồn: Tân Hồng, Tân Thành, Tân Hộ Cơ

a) Nhu cầu nguồn nước:

Đảm bảo nước tưới cho: 20.500,60 ha (xã Tân Hồng 8.769,60 ha, xã Tân Thành 5.053 ha, xã Tân Hộ Cơ 6.678 ha). Trong đó: diện tích lúa 18.581,50 ha (xã Tân Hồng 7.582,50 ha, xã Tân Thành 4.705 ha, xã Tân Hộ Cơ 6.294 ha); diện tích hoa màu 387,9 ha (xã Tân Hồng 14,90 ha, xã Tân Thành 168,00 ha, xã Tân Hộ Cơ 205 ha); diện tích cây ăn trái 457,80 ha (xã Tân Hồng 277,30 ha, xã Tân Thành 69,50 ha, xã Tân Hộ Cơ 111 ha).

TT	Tên sản phẩm dịch vụ công ích	Diện tích phục vụ (ha)	Lượng nước cần tưới (m <sup>3</sup> /ha)	Khối lượng nước cần sử dụng (m <sup>3</sup> )	Ghi chú
1	Lúa Đông Xuân	18.581,50	5.000	92.907.500	
2	Rau, màu, cây CNND	387,9	2.500	969.750	
3	Cây ăn quả, cây CNDN	457,80	6.000	2.746.800	
<b>Tổng khối lượng nước cần sử dụng cho các vụ, mùa</b>				<b>96.624.050</b>	
<b>Khối lượng nước cần sử dụng cho 06 tháng mùa khô</b>				<b>48.312.025</b>	Từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau

- Đảm bảo nước nuôi trồng thủy sản cho 1.550,13 ha, với nhu cầu sử dụng nước trong 06 tháng mùa khô là 57.509,823 m<sup>3</sup>.

## b) Kế hoạch khai thác tài nguyên nước

### - Giải pháp phi công trình:

+ Tổ chức kiểm tra, rà soát, cập nhật, khoanh vùng diện tích cây trồng có khả năng bị hạn, thường xuyên bị hạn và những diện tích cây trồng không đủ nước; xây dựng kế hoạch sử dụng nước hợp lý, phù hợp với khả năng nguồn nước, trong đó ưu tiên nước cho sinh hoạt, nước uống cho gia súc, tưới cho cây trồng có giá trị kinh tế cao; tăng cường theo dõi diễn biến thời tiết, kịp thời triển khai các giải pháp chống hạn thích hợp, giảm thiểu thiệt hại cho sản xuất do hạn hán gây ra.

+ Khoanh vùng các khu vực nuôi trồng thủy sản có nguy cơ chịu ảnh hưởng của thiếu nước, đặc biệt là các vùng nuôi tập trung, vùng cuối kênh, vùng cao, xa nguồn cấp; xây dựng phương án cấp nước phù hợp theo từng khu vực; tổ chức theo dõi, quan trắc diễn biến độ mặn, mực nước, chất lượng nguồn nước (độ mặn, pH, nhiệt độ, DO,  $\text{NH}_3/\text{NH}_4^+$ ,...) tại các tuyến sông, kênh chính và khu vực nuôi thủy sản tập trung; kịp thời thông tin, cảnh báo để người dân chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất, lấy nước, thay nước.

+ Bố trí lịch thời vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng với từng vùng, từng địa phương; từng bước xây dựng và phát triển sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chất lượng cao, hiện đại, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật cao vào quá trình sản xuất nông nghiệp, các biện pháp tưới tiết kiệm nước.

+ Chủ động trong công tác quản lý phân phối và sử dụng nguồn nước tiết kiệm áp dụng phương pháp tưới luân phiên, tưới tiết kiệm nước,... hạn chế thất thoát nước, đồng thời có biện pháp chống thấm, giảm lượng nước rò rỉ đến mức thấp nhất. Huy động các lực lượng vũ trang, thanh niên tình nguyện tham gia phòng, chống hạn (tuyên truyền cảnh báo hạn hán, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy,...).

+ Hướng dẫn người nuôi áp dụng các giải pháp kỹ thuật tiết kiệm nước, sử dụng nước an toàn trong mùa khô: tăng cường trữ nước trong ao lắng, ao chứa; thực hiện lắng lọc, xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi; ưu tiên các giải pháp tuần hoàn, ao lắng - ao xử lý; điều chỉnh mật độ nuôi, chế độ cho ăn, quản lý môi trường ao nuôi nhằm giảm ô nhiễm và giảm nhu cầu thay nước.

### - Giải pháp công trình:

+ Tổ chức kiểm tra hiện trạng, đánh giá khả năng phục vụ của các công trình cấp nước sạch để kịp thời ban hành kế hoạch cải tạo, nâng cấp và sửa chữa để đảm bảo phục vụ ổn định.

+ Tổ chức kiểm tra hiện trạng các công trình thủy lợi, triển khai sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế máy móc và các thiết bị hư hỏng, nạo vét khơi thông dòng chảy kênh mương, cửa vào cống lấy nước, cửa vào các bể hút trạm bơm, sửa chữa khắc phục kịp thời các vị trí hư hỏng kênh, rạch đảm bảo không để thất thoát, lãng phí nguồn nước, cụ thể:

Đối với các công trình tình quản lý sử dụng từ việc hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, thì chủ đầu tư khẩn trương thi công nạo vét các

công trình đã ghi danh mục và bố trí vốn nhằm cung cấp nước kịp thời cho hệ thống kênh, rạch nội đồng đảm bảo tích trữ đủ nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt người dân trong thời gian xâm nhập mặn gia tăng, nhất là các vùng quy hoạch cây trồng trọng điểm và vùng gặp khó khăn về nguồn nước.

Các công trình do cấp xã quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư và khẩn trương nạo vét các kênh, rạch cạn kiệt ở các khu vực có khả năng thiếu nước bơm tưới; tháo dỡ các chướng ngại vật gây cản trở dòng chảy, nhằm đảm bảo đưa đủ nguồn nước tưới tiêu đến đất sản xuất người dân.

Các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, chủ đường nước, người dân tổ chức nạo vét, tu sửa các kênh mương nội đồng; nạo vét các bê hút của các trạm bơm; kiểm tra, sửa chữa, vận hành các cống và trạm bơm điện, chủ động bơm tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Khuyến khích, hướng dẫn người dân, cơ sở nuôi trồng thủy sản xây dựng ao lắng, ao chứa, bể chứa, trữ nước tại hộ nuôi; kiểm tra, gia cố bờ bao, khu vực nuôi thủy sản nhằm hạn chế thất thoát nước.

### **3. Kế hoạch ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu hụt của nguồn nước**

- Tăng cường tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thông tin dự báo khí tượng thủy văn, hạn hán, xâm nhập mặn; xác định mức độ ảnh hưởng để chủ động triển khai các biện pháp ứng phó cụ thể và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, trong đó hướng dẫn người dân sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên bảo đảm cấp nước sinh hoạt cho người dân, các cơ sở y tế, giáo dục và các nhu cầu thiết yếu khác, kiên quyết không để người dân thiếu nước sinh hoạt.

- Xây dựng phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông dự báo xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước (theo quy định tại Điều 44 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ).

- Tăng cường việc tích trữ nước mưa để chủ động phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước; có giải pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí nguồn nước; đầu tư mở rộng hoặc xây mới các nhà máy nước theo kế hoạch phát triển cấp nước của địa phương, đồng thời nghiên cứu, phát triển các công trình thu và lưu trữ nước mưa hộ gia đình cho các hộ nhỏ lẻ, vùng sâu, vùng xa, vùng khan hiếm nước.

### **4. Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi, giảm diện tích gieo trồng phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước và diễn biến, dự báo xâm nhập mặn ở những khu vực có nguồn nước thường xuyên ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn**

- Bố trí cơ cấu sản xuất, mùa vụ, thời điểm xuống giống phù hợp, bảo đảm hạn chế tác động của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn ảnh hưởng đến năng suất cây trồng; khuyến cáo, hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu sản xuất, khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, hướng dẫn một số biện pháp kỹ thuật nhằm hạn

chế thiết hại do ảnh hưởng của hạn mặn trong các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, cấp nước sinh hoạt cho Nhân dân,...

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền về tình hình nguồn nước, xâm nhập mặn nhằm nâng cao nhận thức người dân trong việc sử dụng nước tiết kiệm; vận động Nhân dân chủ động lấy, trữ nước và sử dụng nước hiệu quả.

**5. Trong trường hợp xảy ra những diễn biến bất thường về khí tượng, thủy văn hoặc phát sinh các yêu cầu đối với nguồn nước nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cấp nhật kịch bản, khi đó Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ngành địa phương chủ động cấp nhật, điều chỉnh lại kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế.**

### III. Tổ chức thực hiện

#### 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền Luật Tài nguyên nước năm 2023; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và các văn bản khác có liên quan đến Nhân dân về ý thức bảo vệ nguồn nước, không xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, không xả thải nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường; đề ra các giải pháp để tiến hành kiểm tra, phát hiện, xử lý và xử phạt vi phạm nhằm quản lý, bảo vệ, đảm bảo an toàn nguồn nước trên các sông, kênh, rạch, trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho chủ trương khai thác tài nguyên nước phục vụ cho công tác phòng, chống hạn mặn khi có yêu cầu chỉ đạo; thường xuyên theo dõi các điểm có lưu lượng xả thải cao như khu, cụm công nghiệp, khu đô thị nhằm hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm để bảo vệ môi trường nước.

- Phối hợp cùng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi, các địa phương rà soát, nâng cao năng lực trữ nước ngọt của hệ thống kênh, mương; xây dựng mới, nâng cấp hệ thống đê bao, bờ bao, các công tạm nhằm tăng khả năng lấy, trữ nước của các cống, kênh mương trên địa bàn tỉnh; rà soát, định kỳ nạo vét các kênh thủy lợi, chủ động tưới tiết kiệm; tổ chức rà soát, điều chỉnh các quy trình vận hành công trình, hệ thống công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, chống thất thoát, lãng phí nước và bảo đảm lưu thông của dòng chảy trong hệ thống công trình, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước; xây dựng cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.

- Phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh và các cơ quan có liên quan theo dõi sát diễn biến của nguồn nước, nhất là mùa hạn mặn, kịp thời thông tin, tuyên truyền để cơ quan, đơn vị, người dân biết kịp thời ứng phó.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, giảm thiểu ảnh hưởng do xâm nhập mặn gây ra; khuyến cáo, hướng dẫn người dân thực hiện các giải pháp canh tác, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản,... phù hợp với từng khu vực, đặc biệt là đối với các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, cây giống, hoa kiểng.

- Theo dõi, kiểm tra công tác vận hành các công trình thủy lợi đảm bảo phù hợp với diễn biến mặn, vừa đảm bảo trữ nước ngọt, rửa phèn, mặn hạn chế ô nhiễm môi trường.

## **2. Sở Xây dựng**

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị cấp nước theo phân cấp quản lý đảm bảo cung cấp đủ nước sạch, không nhiễm mặn theo quy định cho người dân trong vùng phục vụ; có phương án trữ nước, vận chuyển nước ngọt thô, đầu nối nguồn nước,... về xử lý đảm bảo cung cấp nước ngọt phục cho nhân dân.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường chỉ đạo, triển khai công tác đảm bảo cấp nước an toàn cho người dân và đảm bảo các nhu cầu thiết yếu khác ở các đô thị.

## **3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang**

- Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về phân cấp quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Thường xuyên phối hợp với các ngành, địa phương theo dõi, diễn biến tình hình thiên tai để thống nhất vận hành linh hoạt các hệ thống, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh để tiêu mặn, trữ ngọt, giảm tình trạng ô nhiễm nguồn nước để phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản

- Xây dựng kế hoạch quản lý, tổ chức rà soát, kịp thời điều chỉnh quy trình vận hành công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu và đảm bảo lưu thông của dòng chảy trong hệ thống công trình, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước.

- Theo dõi sát tình hình, diễn biến xâm nhập mặn, thường xuyên kiểm tra độ mặn tại các công trình đầu mối; chủ động sửa chữa các công trình thủy lợi đảm bảo ngăn mặn triệt để; tổ chức vận hành linh hoạt, hiệu quả, đảm bảo công tác trữ ngọt, rửa mặn, hạn chế ô nhiễm trong các hệ thống thủy lợi,... nhằm đảm bảo cấp nước ngọt phục vụ các nhà máy nước, sản xuất, sinh hoạt cho Nhân dân.

## **4. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Đồng Tháp**

Tiếp tục tăng cường thực hiện quan trắc, theo dõi diễn biến xâm nhập mặn đối với các trạm quan trắc thuộc phạm vi quản lý; kịp thời dự báo, cảnh báo tình

hình, diễn biến xâm nhập mặn đến các ngành, địa phương và người dân để có phương án chủ động ứng phó.

### **5. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Tiền Giang, Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm**

- Xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt và nghiêm túc triển khai kế hoạch, đảm bảo việc cung cấp nước sạch không bị nhiễm mặn cho người dân, doanh nghiệp phục vụ sản xuất, sinh hoạt.

- Chủ động triển khai thực hiện các phương án ứng phó theo các mức độ mặn khác nhau để bảo đảm nguồn nước ngọt đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tối thiểu cho người dân, không để tình trạng người dân thiếu nước ngọt sử dụng hoặc mua nước với mức giá quá cao.

- Tăng cường, chủ động thực hiện quan trắc, giám sát đối với chất lượng nguồn nước khai thác (đặc biệt đối với các khu vực bên trong cống, đập) để có phương án xử lý nước cấp đảm bảo đạt chuẩn theo quy định cung cấp cho người dân. Thường xuyên giám sát, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương nơi có nguồn nước khai thác để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi có khả năng gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước khai thác.

### **6. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Triển khai thực hiện phương án phòng chống và ứng phó với hạn, xâm nhập mặn trong mùa khô năm 2025-2026 trên địa bàn đáp ứng mục tiêu bảo vệ theo diễn biến hạn mặn để chủ động thực hiện.

- Tuyên truyền, phát động, hướng dẫn người dân chủ động tích trữ nước ngọt trong sản xuất, sinh hoạt; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nước, chống thất thoát, lãng phí nước. Tăng cường tổ chức tuyên truyền người dân bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình xâm nhập mặn trên địa bàn và nhu cầu sử dụng nước của người dân; xác định các khu vực có nguy cơ bị thiếu nước (nước sinh hoạt, nước phục vụ sản xuất), thực hiện các giải pháp tích trữ, vận chuyển nước để đảm bảo cung cấp đầy đủ cho các nhu cầu thiết yếu cho sinh hoạt và sản xuất.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý đối với các hoạt động xả nước thải, các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, xả nước mặn,... tại các khu vực trữ nước, lấy nước của các nhà máy nước, công trình thủy lợi.

- Kiên quyết không để người dân sản xuất ở những vùng có nguy cơ thiếu nước, có khả năng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn và ngoài vùng quy hoạch, chỉ đạo sản xuất theo đúng lịch thời vụ cũng như các khuyến cáo, giải pháp kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp đã được cơ quan chuyên môn hướng dẫn.

- Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân cung cấp nước sinh hoạt trên địa bàn chủ động triển khai thực hiện các phương án ứng phó theo các mức độ mặn khác nhau để bảo đảm nguồn nước ngọt đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tối thiểu cho người dân,

không để tình trạng người dân thiếu nước ngọt sử dụng hoặc mua nước với mức giá quá cao.

- Sửa chữa đảm bảo việc ngăn mặn của các cống, nạo vét kênh mương vừa phục vụ chuyên tải nước vừa là nơi trữ nước tưới; những vùng khó khăn có thể đào mới ao trữ nước để tăng khả năng trữ nước trong vùng dự án.

- Thường xuyên báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả triển khai thực hiện để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Trên cơ sở mục đích, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Kế hoạch này, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ trì, chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản hồi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo. / 

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUB: CVP và các PVP;
- Công ty TNHH MTV KTCTTL TG;
- Công ty TNHH MTV Cấp nước TG;
- Công ty CP NMN Đồng Tâm;
- Đài Khí tượng Thủy văn ĐT;
- Lưu: VT, GVi.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**   
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

  
**Nguyễn Thành Diệu**